TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04 – 01 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Nguyễn Quốc Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tô Thị M, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2023 và các lời khai tại Tòa án bà Tô Thị M (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Bà xác định có 03 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Chân, sinh ngày 29/02/1996; Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2000 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 21/5/2005. Hiện nay, các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn B, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà Tô Thị M nhưng ông B không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông B vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa ông, bà được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn B tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông B vắng mặt không lý do; nguyên đơn bà Tô Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa bà Tô Thị M với ông Nguyễn Văn B là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B có địa chỉ cư trú tại ấp Năm Đảm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Tô Thị M và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 435 ngày 22/7/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà M yêu cầu được ly hôn với ông B, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông B không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của bà M, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho ông. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà M, cho bà M được ly hôn với ông B là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà M xác định có 03 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Chân, sinh ngày 29/02/1996; Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 19/01/2000 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 21/5/2005. Hiện nay, các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên bà M không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà M xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Bà M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 53 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị M.

[1] *Về hôn nhân*: Bà Tô Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

[2] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Tô Thị M phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009618 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Tô Thị M và ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND xã Lương Thế Trân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Hiền